

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06/02/2018

V/v: Ly hôn giữa anh T và chị L

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*** *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Bùi Tư Duy

*** *Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Nguyễn Lâm Giang

2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

*** *Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

*** *Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa:*** ông Dương Đức Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2017/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX - ST ngày 02/01/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2018 giữa:

* Nguyên đơn: anh Dương Văn T, sinh năm 1975; nơi cư trú: thôn A, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

* Bị đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn A, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 25/8/2017 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Dương Văn T trình bày:

Anh kết hôn với chị Bùi Thị L ngày 28 tháng 10 năm 1998, trước khi kết hôn hai bên đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn anh và chị L về chung sống với nhau ngay. Buổi đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2010, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Vợ chồng ly thân từ năm 2012 cho đến nay không quan tâm chăm sóc cho nhau. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không thành. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống đã sinh được 02 con chung

tên là: Dương Văn T, sinh ngày 27/8/1999 và Dương Văn T2 sinh ngày 12/7/2001. Nay vợ chồng ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng, công sức đóng góp, ruộng canh tác: anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T có mặt vẫn giữ nguyên đề nghị trên.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2017 và những lời khai tiếp theo, bị đơn chị Bùi Thị Ltrình bày:

Chị nhất trí với trình bày của anh T về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung. Trong quá trình chung sống, ban đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2012, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không nghe. Vợ chồng chị ly thân từ năm 2012 cho đến nay, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn thì hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng chị không đồng ý ly hôn với anh T. Lý do chị không đồng ý ly hôn là do các con đã lớn, chị không muốn làm ảnh hưởng tới tâm lý của các con. Chị có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống đã sinh được 02 con chung tên là: Dương Văn T, sinh ngày 27/8/1999 và Dương Văn T2 sinh ngày 12/7/2001. Chị không có ý kiến gì về con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng, công sức đóng góp, ruộng canh tác: chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến trên.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Dương Văn T được ly hôn chị Bùi Thị L.

Án phí sơ thẩm: anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Dương Văn T và chị Bùi Thị L kết hôn ngày 28/10/1998, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, hai bên đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị L về chung sống với anh T ngay. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L có nghi ngờ anh T quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên anh xin được ly hôn với chị L. Chị L cũng

xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng chị không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ. Tại biên bản xác minh của Tòa án thì chính quyền địa phương xác định vợ chồng anh T và chị L có xảy ra mâu thuẫn, đã được chính quyền địa phương tiến hành hòa giải nhưng không thành. Xét thấy, cuộc sống chung của anh T và chị L đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã ly thân nhiều năm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho anh T được ly hôn với chị L là phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về con chung: Vợ chồng anh T, chị L có 02 người con chung tên là: là: Dương Văn T, sinh ngày 27/8/1999 và Dương Văn T2 sinh ngày 12/7/2001. Ly hôn, anh T, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp ruộng canh tác: anh T, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28; khoản 4 Điều 147 ; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Dương Văn T được ly hôn với chị Bùi Thị L.

3. Án phí: Anh Dương Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003929 ngày 01 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS T;
- UBND xã Việt Ngọc;
- Các đương sự;
- Lưu hs,vt.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Tư Duy

